



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vung Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0013078.25
MSM: VT.25.6083.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1 - CONAC
Địa điểm lấy mẫu : Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 08/12/2025
Ngày trả kết quả : 18/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,6	40
2	Độ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	12	50
3	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,92	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	13	30
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	31	75
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	9	50
7	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,05
8	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,005
9	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,1
10	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,05
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,05
12	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,2
13	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	2
14	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	3
15	Niken (Ni) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,2
16	Mangan (Mn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,079	0,5
17	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,097	1
18	Tổng xyanua (CN ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,07
19	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,1
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 0,9	5
21	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,2
22	Florua (F ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	< 0,10	5
23	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,22	5



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
 Điện thoại: 028.362.00147
 Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				NT01	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
24	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	4,12	20
25	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,86	4
26	Clorua (Cl) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500.Cl ⁻ .B:2023	102,3	500
27	Clo dư ^(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03	1
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,0060	50
				< 0,0060	-
	<i>Aldrin</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Dieldrin</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Endrin</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Endrin keton</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Endrin aldehyt</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>α-BHC</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>β-BHC</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>γ-BHC</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>δ-BHC</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>2,4'-DDD</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>4,4'-DDD</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>2,4'-DDE</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>4,4'-DDE</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>DDTs</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>2,4'-DDT</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>4,4'-DDT</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>cis-Chlordane</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Chlordane</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>trans-Chlordane</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>alpha-Endosulfal</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>beta-Endosulfal</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Endosulfan Sunfate</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Heptachlor</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Heptachlor epoxide</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Heptachlor-endo-epoxide</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Hexachlorobenzene</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Methoxychlor</i>	µg/L		< 0,0060	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A
29	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,0060	300
	<i>Azinphos ethyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Azinphos methyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Clofenvinphos</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Chloropyriphos</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Chloropyriphos methyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Diazinon</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Dimethoate</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Disulfoton</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Parathion ethyl</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Bromophos Ethyl</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Bromophos Methyl</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Ethion</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Fenthion</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Formothion</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Malathion</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Parathion methyl</i>	µg/L		< 0,006	-
30	PCBs	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	< 0,066	3
	<i>PCB₂₈</i>	µg/L		< 0,066	-
	<i>PCB₅₂</i>	µg/L		< 0,066	-
	<i>PCB₁₀₁</i>	µg/L		< 0,066	-
	<i>PCB₁₁₈</i>	µg/L		< 0,066	-
	<i>PCB₁₃₈</i>	µg/L		< 0,066	-
	<i>PCB₁₅₃</i>	µg/L		< 0,066	-
	<i>PCB₁₈₀</i>	µg/L		< 0,066	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2021	< 0,0100	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2021	< 0,30	1
33	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	5,4 x 10 ²	3.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;

VÀ C
 TÂM
 ĐO Đ
 SỞNG
 NAM
 RI A - V



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



- NT01: Nước thải đầu ra sau HTXLNT, tọa độ (N 10°37,826; E 107°3,887);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- ^(*): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

Đinh Tấn Thu

